

TƯ TƯỞNG HIẾN PHÁP NGŨ QUYỀN CỦA TÔN TRUNG SƠN VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM^(*)

NGUYỄN MAI THUYỀN
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 09/7/2023. Sửa chữa xong 12/7/2023. Duyệt đăng 15/7/2023.

Abstract

Sun Yat-sen was the great leader of modern China and the great pioneer of the East Asian democratic revolution. In the process of exploring and building democratic politics, Sun Yat-sen attached great importance to the status of the constitution. The five-power constitutional doctrine was the crystallization and embodiment of his constitutional thought, which is also considered the first complete constitutional system of thought in democratic China. The article analyzes the core contents of Sun Yat-sen's five powers constitutional ideology, thereby pointing out the reference values for Vietnam in the process of building and implementing the constitution.

Keywords: Sun Yat-sen, Five Powers Constitution, reference.

1. Đặt vấn đề

Tôn Trung Sơn (1866-1925) sinh ra và lớn lên ở huyện Trung Sơn, Quảng Đông, Trung Quốc. Tên thật của ông là Tôn Dật Tiên, nhưng ông đã lấy tên Tôn Trung Sơn để tưởng nhớ đến quê hương của mình. Ông là một nhà tri thức cũng là một nhà lãnh đạo lỗi lạc cuối thời nhà Thanh, đã có công lãnh đạo cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911. Tôn Trung Sơn là một người đi đầu trong cách mạng dân chủ Trung Quốc, cũng là một nhân vật kiệt xuất trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á. Đặc biệt đối với Việt Nam, cuộc đời hoạt động cách mạng và những giá trị tư tưởng của Tôn Trung Sơn đã có ảnh hưởng trực tiếp thúc đẩy và mang lại cho phong trào cách mạng Việt Nam một màu sắc mới.

2. Tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn

Xét về nguồn gốc lí luận, tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn được hình thành trên cơ sở kế thừa có chọn lọc thuyết dân chủ và Tam quyền phân lập của các nước tư sản phương Tây, đồng thời có sự chắt lọc những yếu tố phù hợp trong nền chính trị truyền thống Trung Hoa. Từ thực tiễn những năm tháng sinh sống, học tập, nghiên cứu và thụ hưởng nền chính trị dân chủ phương Tây, ông đã nhận thức sâu sắc những ưu điểm và cả những điều còn tồn tại trong nền dân chủ và chế độ chính trị của các nước Âu – Mỹ. Trên cơ sở đó, xuất phát từ đặc điểm truyền thống chính trị - xã hội ở Trung Quốc, ông đã có những sáng tạo quan trọng trong việc tích hợp yếu tố dân tộc trong luận thuyết của mình. Đặc biệt đã khai thác hai truyền thống mà ông cho là tinh hoa trong nền chính trị hàng ngàn năm của Trung Quốc – Khảo thí và giám sát. Tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn bao gồm những nội dung cơ bản:

2.1. Chủ nghĩa Tam dân là nòng cốt hay chính là mục tiêu hướng tới của Hiến pháp Ngũ quyền

Trong suốt cuộc đời của Tôn Trung Sơn, ông chỉ có một tâm niệm là thực hiện cho được Chủ nghĩa Tam Dân: Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc. Tôn Trung Sơn từng giải

(*) Bài báo này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022: “Tư tưởng Hiến pháp ngũ quyền của Tôn Trung Sơn và giá trị tham khảo đối với Việt Nam”.

Email: nguyenmaithuyen@hlu.edu.vn

thích rõ: “Chủ nghĩa dân tộc tức là các dân tộc trên thế giới đều bình đẳng, dân tộc này không thể áp chế dân tộc khác... Chủ nghĩa dân quyền tức là mọi người đều bình đẳng. Cùng một dân tộc, không thể lấy thiểu số để áp chế đa số... Chủ nghĩa dân sinh tức là người giàu không thể áp chế người nghèo” [5, tr. 508].

2.2. Dân quyền trực tiếp và quyền năng phân trị

Dân quyền trực tiếp là một trong những nội dung chính của tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền. Tôn Trung Sơn đã nhìn thấy những hạn chế trong chế độ dân chủ ở phương Tây và xác định rằng, muốn xây dựng một chính quyền do nhân dân làm chủ thì trước hết phải thực hiện dân quyền đầy đủ, nhân dân có quyền trực tiếp quản lý Chính phủ. Dân quyền đầy đủ và trực tiếp, theo quan niệm của Tôn Trung Sơn, bao gồm quyền tuyển cử, quyền bãi miễn, quyền sáng kiến và quyền phúc quyết. Chỉ khi nào người dân có đầy đủ bốn quyền này thì mới chế ước được quyền lực của Chính phủ (Nhà nước). Có thể thấy, tư tưởng dân chủ không phải là sáng tạo riêng có của Tôn Trung Sơn mà đã được nhiều học giả tư sản thừa nhận. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh một đất nước Á Đông, suốt một thời gian dài tồn tại chế độ phong kiến chuyên chế thì đây là một tư tưởng tiến bộ. Đặc biệt, trong chế độ dân chủ, quyền lực của nhân dân có thể thực hiện bằng phương thức trực tiếp và gián tiếp, nhưng trong tư tưởng của Tôn Trung Sơn, tập trung và cốt lõi nhất vẫn là dân chủ trực tiếp. Bên cạnh đó, Tôn Trung Sơn chủ trương “quyền năng phân trị” để xử lý tốt mối quan hệ giữa Chính phủ với Nhân dân. Chủ trương “quyền năng phân trị” của Tôn Trung Sơn tức lấy “quyền” chế “năng”, nhân dân nắm chính quyền, chính phủ thực thi trị quyền, lấy quyền lợi của nhân dân làm sợi dây chế ước quyền lực của chính phủ, khiến cho quyền giữa hai chủ thể này đạt được một trạng thái cân bằng. Dùng 4 chính quyền của nhân dân để quản lý 5 trị quyền của chính phủ, như vậy mới được xem là một cơ quan chính trị dân quyền hoàn hảo [4, tr. 309].

2.3. Thực hiện Ngũ quyền phân lập

Muốn trong nội bộ chính quyền thực thi dân chủ, thực hiện ý nghĩa chân chính “chủ quyền tại dân”, chủ trương của Tôn Trung Sơn là đem năm quyền: lập pháp, hành chính, tư pháp, khảo thí và giám sát phân lập, thiết lập Ngũ viện, mỗi viện có sự phân công trách nhiệm và thực thi thẩm quyền của mình. Năm quyền này về địa vị là bình đẳng với nhau, nhưng không phải đơn độc mà có quan hệ tương hỗ lẫn nhau, quyền giám sát được tăng cường để chế ước quyền lập pháp, quyền khảo thí được tăng cường để chế ước quyền hành pháp. Cụ thể:

Lập pháp viện: nắm quyền xây dựng và sửa đổi luật (trừ Hiến pháp).

Hành chính viện: phụ trách các công việc về nội chính, ngoại giao, tài chính giáo dục.

Tư pháp viện: chức năng thẩm quyền tương tự như Pháp viện ngày nay, tức là xét xử, giải thích pháp luật.

Khảo thí viện: tuyển chọn các nhân viên nhà nước thông qua hệ thống khảo thí công.

Giám sát viện: luận tội, đàn hặc những hành vi thất chức của các nhân viên nhà nước.

Bản chất của Ngũ quyền phân lập của Tôn Trung Sơn là kết hợp nguyên tắc hiến định Tam quyền phân lập của giai cấp tư sản ở châu Âu và Mỹ với một số truyền thống tốt đẹp trong hệ thống chính trị cổ đại phương Đông, sáng tạo ra học thuyết hiến pháp dân chủ mang đặc điểm phương Đông và coi đó là chiến lược, mục tiêu cuối cùng cách mạng cần hướng tới để thành lập một nền cộng hòa hoàn hảo.

2.4. Phân định và cân bằng quyền lực giữa chính quyền trung ương và địa phương

Theo Tôn Trung Sơn, những công việc mang tính chất thống nhất toàn quốc thì giao cho chính phủ trung ương, những công việc mang tính chất địa phương thì giao cho chính quyền địa phương. Sự phân định như vậy vừa tránh được sự chuyên quyền của trung ương, tự trị của địa phương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính quyền các cấp mà lại có thể đảm bảo sự thống nhất của quốc gia.

3. Giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng và thực thi hiến pháp

Mặc dù những tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn chưa được thực thi trên thực tế khi ông còn sống, và cũng còn có những hạn chế nhất định, nhưng chủ trương nền chính trị toàn dân, quyền năng phân trị, cân bằng quyền lực,... trong tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền thực sự là một bước tiến bộ trong thời kì Trung Quốc cận đại. Từ đó đến nay, nó vẫn có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của cuộc cách mạng dân chủ thời kì cận đại, đối với công cuộc xây dựng hiến pháp và XHCN đặc sắc Trung Quốc hiện nay. Bên cạnh đó, tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn cũng mang lại những giá trị tiến bộ cho các quốc gia dân chủ khác, trong đó có Việt Nam tham khảo trong quá trình xây dựng và thực thi hiến pháp.

Trước hết cần khẳng định rằng, thể chế chính trị Việt Nam là thể chế chính trị XHCN, với những nét đặc thù: Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Nhà nước CHXHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền¹; Nhân dân làm chủ thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam đều thống nhất về mục tiêu phấn đấu vì lợi ích của Nhân dân. Sự ảnh hưởng của tư tưởng Hiến pháp ngũ quyền của Tôn Trung Sơn đối với Việt Nam trước hết là những ảnh hưởng trực tiếp, nhanh chóng và sâu sắc đến phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX (lúc bấy giờ đang trong thời kỳ khủng hoảng đường lối cứu nước). Không ít nhà yêu nước Việt Nam (Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học...) đã tìm đến với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và coi chủ nghĩa này như một trong những nền tảng hình thành tư tưởng của mình. Trong số đó, Hồ Chí Minh là người chịu ảnh hưởng đậm nét hơn cả. Trong nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, còn phải kể đến các tinh hoa văn hóa, tư tưởng nhân loại, mà trực tiếp và điển hình nhất là tư tưởng dân tộc, dân chủ trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn [2, tr.65]. Người đã tiếp thu một cách có chọn lọc và sáng tạo những mặt tiến bộ của chủ nghĩa Tam dân và áp dụng thành công chúng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, coi trọng vấn đề độc lập dân tộc, nhưng tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể mà nhấn mạnh và đặt nó lên vị trí hàng đầu. Độc lập dân tộc gắn liền với tự do hạnh phúc của nhân dân. Khác với các nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh khi nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân đã nhìn thấy những hạn chế hết sức cơ bản của học thuyết này. Về cơ bản, tư tưởng của chủ nghĩa Tam dân vẫn chỉ là tư tưởng dân chủ tư sản, nằm trong hệ thống tư tưởng tư sản. Tìm hiểu ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn đối với cách mạng Việt Nam, đặc biệt đối với Hồ Chí Minh, chúng ta trân trọng ghi nhận những đóng góp to lớn của Tôn Trung Sơn về lý luận và thực tiễn cho cách mạng Việt Nam. Chính những chủ trương, đường lối cách mạng dân chủ trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã có tác dụng thúc đẩy và mang lại cho phong trào cách mạng Việt Nam một màu sắc mới, làm phong phú thêm những trang sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Đối với hiến pháp – đạo luật cơ bản của đất nước, Quá trình xây dựng và thực thi văn bản này trước hết cần dựa vào kinh nghiệm lịch sử, những thành quả của cách mạng dân tộc, những giá trị cần bảo vệ và đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển đất nước. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng hiến pháp cần tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia, học hỏi, tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, những giá trị đúng đắn, phù hợp. Sự tham khảo này không có nghĩa là áp đặt một mô hình hiến pháp nào đó cho mình. Từ những phân tích, đánh giá về tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn, có thể thấy tư tưởng này chứa đựng những giá trị tiến bộ, hiện đại mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hiến pháp.

3.1. Ghi nhận và đề cao quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân

Ở Việt Nam, ngay từ bản hiến pháp đầu tiên – Hiến pháp năm 1946, dân chủ đã là một giá trị cốt lõi xuyên suốt của hiến pháp. Các điều trong bản Hiến pháp đều nhất quán một quan điểm, tất cả

1) Xem Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan khi thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”

quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, xây dựng một chính thể dân chủ rộng rãi, một bộ máy nhà nước mạnh mẽ và sáng suốt, đề cao và tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Đó vừa là mục đích của cuộc Cách mạng giành độc lập, đó cũng là mục tiêu phải hướng tới khi chính thể dân chủ cộng hòa đã được lập nên. Những giá trị cốt lõi tốt đẹp của bản Hiến pháp năm 1946 đã được kế thừa và phát huy trong bốn bản Hiến pháp sau này là Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013. Mỗi bản Hiến pháp là bốn nấc thang về việc ghi nhận và phát triển các quyền con người, quyền công dân nói chung, quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân nói riêng. Nhìn chung, trong xu hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, thúc đẩy bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay, chúng ta càng phải nhận thức giá trị của dân chủ trực tiếp và thể chế trong hiến pháp – đạo luật cơ bản của quốc gia. Với dân chủ trực tiếp, người dân tự mình quyết định các luật lệ và chính sách quan trọng của cộng đồng và đất nước [6, tr.61]. Nói cách khác, dân chủ trực tiếp là việc Nhân dân trực tiếp thể hiện ý chí của mình (với tư cách là chủ thể quyền lực nhà nước) về một vấn đề nào đó mà không cần thông qua cá nhân hay tổ chức thay mặt mình và ý chí đó có ý nghĩa bắt buộc phải thi hành. Về lý thuyết, việc nhấn mạnh quyền làm chủ của người dân như là một đặc trưng ưu việt của chế độ chính trị XHCN cũng là một yêu cầu và động lực cho sự phát triển của dân chủ trực tiếp. Các quyền dân chủ trực tiếp của người dân phải được quy định trong hiến pháp bao gồm:

- Quyền bầu cử: Là quyền của nhân dân trực tiếp lựa chọn người nắm giữ chức vụ quan trọng trọng trong bộ máy nhà nước thông qua con đường bỏ phiếu tập thể.
- Quyền bãi miễn: là quyền nhân dân loại đi những người không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của mình.
- Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội: là quyền người dân được tham gia mạnh mẽ vào các quá trình ra quyết định, các hoạt động quản lý nhà nước nhằm đóng góp những ý kiến quan trọng cho việc xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, ổn định chính trị, phát triển kinh tế – xã hội.
- Quyền được trưng cầu ý dân: người dân được bỏ phiếu quyết định (đồng ý hay không đồng ý) về những vấn đề của Nhà nước, thường là các vấn đề liên quan đến chính trị quan trọng của quốc gia như sửa đổi Hiến pháp, quyết định các vấn đề lớn liên quan đến lợi ích của đất nước hoặc quyền làm chủ của người dân...

3.2. Tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước dựa trên sự phân công rành mạch

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở nước ta không theo nguyên tắc phân chia quyền lực (tam quyền phân lập hay ngũ quyền phân lập). Bản chất của nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta là sự thống nhất quyền lực, cùng với đó là thừa nhận yếu tố phân công, phối hợp, kiểm soát trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Phân công quyền lực ở nước ta không tạo nên sự đối trọng mà chủ yếu để các cơ quan nhà nước thực hiện tốt hơn, hiệu lực, hiệu quả hơn quyền lực của mình, gắn với trách nhiệm. Như vậy, ở đây, cái mà chúng ta tham khảo được ở tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn là tư duy về sự phân công, phân định rành mạch quyền lực nhà nước. Ngày nay, xu hướng phân định rành mạch ba quyền đó ngày càng được coi trọng trong tổ chức quyền lực nhà nước. Bởi vì, xã hội càng phát triển, phân công lao động càng phải chuyên môn hóa cao để phát huy hiệu quả. Đồng thời, thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta chỉ ra rằng việc phân định mạch lạc ba quyền là cách thức tốt nhất để phát huy vai trò của nhà nước trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Sự phân định các quyền như vậy là điều kiện cơ bản để Nhân dân giao quyền mà không bị lạm quyền, Nhân dân kiểm soát và đánh giá được hiệu lực và hiệu quả thực hiện các quyền mà mình đã giao. Hiến pháp phải là văn bản cao nhất ghi nhận sự phân công rành mạch quyền lực nhà nước. Cụ thể:

Quyền lập pháp là quyền làm ra luật, phải thuộc về cơ quan đại diện cao nhất của người dân (Quốc hội).

Quyền hành pháp là thực thi pháp luật, do Chính phủ đảm nhiệm.

Quyền tư pháp là giải thích ý nghĩa của luật và áp dụng chúng vào trong những trường hợp cụ thể, được thực hiện bởi hệ thống tòa án.

3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thông qua chế độ khảo thí (thi cử)

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam rất cần chú trọng chế độ khảo thí trong tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn. Điều này trước hết xuất phát từ yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Trong những năm qua, kinh tế tri thức trở thành vấn đề ưu tiên trong chiến lược phát triển của nhiều quốc gia, cả những nước phát triển lẫn đang phát triển. Nền kinh tế tri thức (Knowledge - Based Economy) là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức, trên cơ sở phát triển khoa học và công nghệ cao. Đối với Việt Nam, để tiếp tục nâng cao tiềm lực, vai trò và vị thế trên trường quốc tế, phát triển kinh tế tri thức là xu hướng tất yếu, bảo đảm cho đất nước ta phát triển nhanh và bền vững, hiện thực hóa mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2030. Bất chấp nền kinh tế tri thức phụ thuộc rất nhiều vào công nghệ, kỹ thuật, muốn phát triển nền kinh tế tri thức trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì vấn đề con người vẫn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất. Muốn làm được điều đó, chúng ta cần coi trọng và hoàn thiện chế độ khảo thí.

Bên cạnh đó, coi trọng khảo thí (thi cử) là cơ sở để Việt Nam có được một đội ngũ hành chính - công vụ tinh hoa. Cán bộ, công chức là một mắt xích quan trọng, không thể thiếu của nền hành chính nhà nước, có vai trò quyết định sự thành công trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính, là người trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi luật pháp, quản lý mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội; tham mưu, hoạch định, tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc thực thi các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là chủ thể quan trọng trong quá trình cải cách hành chính. Việt Nam đã có những cải cách trong khảo thí (thi tuyển) đối với đội ngũ công chức nhà nước. Về mặt tư tưởng, điều này thể hiện sự tiếp thu giá trị tinh hoa trong tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn, áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hiện nay, chế độ tuyển dụng công chức thông qua khảo thí vẫn cần tiếp tục thay đổi để có thể lựa chọn những người đủ năng lực làm việc trong các cơ quan nhà nước. Về tổ chức, cần có đại diện các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có kiến thức, kinh nghiệm về các lĩnh vực; đại diện của Bộ Nội vụ để kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển dụng; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (thi tuyển qua máy tính, lắp đặt camera giám sát ở các địa điểm tổ chức thi tuyển công chức...) để khảo thí thật sự minh bạch, khách quan. Trong tương lai, có thể học tập Đài Loan – nơi mà tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền được kiểm nghiệm một cách sâu sắc nhất – với mô hình Khảo thí viện. Theo đó, có thể thành lập cơ quan độc lập về khảo thí, với tên gọi Trung tâm thi tuyển công chức quốc gia. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của cơ quan này là những nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

3.4. Coi trọng quyền giám sát trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

Ở nước ta, giám sát không phải nhánh quyền lực riêng bên cạnh lập pháp, hành pháp, tư pháp nhưng là yếu tố không thể thiếu trong sự vận hành của bộ máy nhà nước. Giám sát được hiểu là “Giám sát là theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ” [3, tr. 728]. Khi xem xét từ góc độ tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước, giám sát vừa là một hoạt động mang tính quyền lực nhà nước vừa là một phương thức đảm bảo quyền lực nhà nước được thực hiện đúng trong phạm vi, thẩm quyền, hình thức mà pháp luật đã quy định cho mỗi thiết chế quyền lực trong thực tiễn hoạt động, ngăn chặn sự vi phạm, lạm quyền từ phía các cơ quan công quyền. Theo dõi lịch sử phát triển của các quốc gia trên thế giới cho thấy, tuy cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước có những điểm khác nhau, nhưng cùng với sự phát triển của xã hội loài người thì yêu cầu xây dựng một mô hình nhà nước và tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước như thế nào để có cơ chế kiểm soát quyền lực hữu hiệu nhất luôn là mục đích hướng tới ở những quốc gia tiến bộ, dân chủ.

Giám sát thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay được tiến hành bởi nhiều cơ quan khác nhau, với những phương thức, hoạt động khác nhau. Đó là giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Hội đồng nhân dân), giám sát của Viện kiểm sát nhân dân, của Kiểm toán nhà

nước, giám sát xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Ngoài ra, giữa các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước tất yếu tồn tại sự kiểm soát quyền lực bởi mối quan hệ thống nhất, phân công, phối hợp hết sức chặt chẽ. Do đó, trong điều kiện hiện nay, chúng ta phải thực sự coi trọng vai trò của giám sát, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giám sát, kiểm soát quyền lực hướng đến một bộ máy nhà nước dân chủ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3.5. Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước

Yêu cầu này được tham khảo từ tư tưởng phân định và cân bằng quyền lực giữa chính quyền trung ương và địa phương của Tôn Trung Sơn. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp, đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền. Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: *“Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất; đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành”* [1, tr. 177].

4. Kết luận

Tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn để lại nhiều bài học quý báu không chỉ cho đất nước Trung Quốc hiện đại mà còn cho các quốc gia dân chủ, trong đó có Việt Nam. Tất nhiên, việc tham khảo tư tưởng của Tôn Trung Sơn vào nước ta không phải là rập khuôn máy móc mà cần xem xét phù hợp với thể chế chính trị, điều kiện, hoàn cảnh đất nước ở mỗi thời kỳ cũng như kế thừa, phát huy những điểm hợp lý vốn có trong truyền thống. Sự tham khảo này cũng không mang tính tuyệt đối, tức không phải hiển thị rõ ràng trong nội dung quy định của hiến pháp mà có thể chỉ dừng lại ở góc độ về tinh thần, tư duy. Tìm hiểu về tư tưởng Hiến pháp Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn, chúng ta trân trọng những đóng góp to lớn của ông về lý luận và thực tiễn cho cách mạng Việt Nam cũng như những giá trị tích cực, tiến bộ mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng, thực thi hiến pháp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2] Lê Thị Tinh (2015), *Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và Chủ nghĩa Tam dân đối với Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 8 (93).
- [3] Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2002), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [4] Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội.
- [5] *Tôn Trung Sơn tuyển tập* (1981), NXB Nhân dân Thượng Hải.
- [6] Vũ Công Giao, Cẩm Thị Lai (2014), *Dân chủ trực tiếp trên thế giới và dân chủ trực tiếp ở nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 21(277), tháng 11.